

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, thiết bị xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Bảng chủng loại vật tư quy định tại Chương V, Phần II của HSMT.	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư).	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc không kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư.	Không đạt
1.2. Bảng chủng loại vật tư được quy định tại Chương V, Phần II của HSMT.	Nêu đầy đủ, rõ ràng xuất xứ, tên nhà sản xuất, địa danh không nhầm lẫn với nhà sản xuất khác của các chủng loại.	Đạt
	Nêu không đầy đủ, rõ ràng xuất xứ, tên nhà sản xuất, địa danh hay nhầm lẫn với nhà sản xuất khác của các chủng loại.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt (Trường hợp nhà thầu có đăng ký chức năng buôn bán vật liệu, cung cấp lắp đặt thiết bị xây dựng thì tiêu chuẩn chi tiết 1.1 được xem là đạt).	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, trong quá trình thi công.	Có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không đầy đủ, hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.2 Sơ đồ tổ chức hiện trường, thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường (bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật,	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý	Đạt

hành chính, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn, an ninh, môi trường, các tổ đội thi công).	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý	Không đạt
2.3. Thi công công trình: 1. Thi công lớp kết cấu + mặt đường bằng bê tông nhựa nóng. 2. Thi công phần vỉa hè 3. Thi công hệ thống thoát nước 4. Thi công biển báo, sơn vạch kẻ đường và đảm bảo ATGT.	Có giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công (có bản vẽ biện pháp thi công) hợp lý đầy đủ các hạng mục, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công không hợp lý, không đầy đủ các hạng mục, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ khởi công.	Đề xuất thời gian thi công ≤ 90 ngày. (kể cả ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết và có tính đến điều kiện thời tiết và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.	Đạt
	Đề xuất thời gian thi công hoàn thành trước ngày > 90 ngày.	Không đạt
3.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công. b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
3.3 Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Có Biểu tiến độ thi công, tiến độ cung ứng vật tư, nhân sự, thiết bị thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt

Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1 Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng	Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý và thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng.	Đạt
	Không có trình bày đầy đủ hoặc có nhưng không hợp lý hoặc không có.	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Có đề xuất đơn vị thí nghiệm vật liệu (Đơn vị thí nghiệm vật liệu phải có phòng thí nghiệm được công nhận LAS-XD). Cung cấp hợp đồng nguyên tắc, Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của đơn vị thí nghiệm. Trường hợp nhà thầu có phòng LAS-XD đáp ứng yêu cầu thì không cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. Không đề xuất đơn vị thí nghiệm hoặc đề xuất nhưng không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
4.4 Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.	Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	
	Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết	

	bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	
Kết luận	Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp an toàn lao động	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.2. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.3. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. Bảo hành của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
-------------------------	-----------------------

<p>- Đề xuất trình bày biện pháp bảo hành, bảo trì của nhà thầu đối với công trình: Về nội dung công việc bảo hành; thời hạn bảo hành; trách nhiệm của các bên (giữa chủ đầu tư và nhà thầu) theo đúng quy định và yêu cầu tại chương V của E-HSMT.</p> <p>- Thời gian bảo hành công trình là ≥ 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.</p> <p>- Có cam kết khắc phục các sự cố, hư hỏng của công trình trong thời gian bảo hành chậm nhất 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	<p>Có đề xuất trình bày đầy đủ, hợp lý, đúng quy định đối với các yêu cầu và có cam kết</p>	Đạt
	<p>Không có đề xuất hoặc có đề xuất không đáp ứng yêu cầu hoặc không đầy đủ hoặc không có cam kết.</p>	Không đạt
Kết luận	<p>Tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.</p>	Đạt
	<p>Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>	Không đạt

7. Uy tín của nhà thầu:

<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu): Theo quy định tại Khoản 1 điều 20 Nghị định số 214/NĐ-CP ngày 04/8/2025.</p> <p>Trường hợp liên danh: Tất cả các thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu.</p>	<p>Có cam kết và không vi phạm một trong các quy định tại Khoản 1 điều 20 Nghị định số 214/NĐ-CP ngày 04/8/2025 hoặc có vi phạm nhưng thực hiện bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-CDNT 18.2 Chương II của E-HSMT.</p>	Đạt
	<p>Không có cam kết hoặc vi phạm một trong các quy định tại Khoản 1 điều 20 Nghị định số 214/NĐ-CP ngày 04/8/2025 nhưng không thực hiện bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-CDNT 18.2 Chương II của E-HSMT.</p>	Không đạt
Kết luận	<p>Tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.</p>	Đạt
	<p>Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSĐT để so sánh, xếp hạng các E-HSĐT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSĐT sẽ được đánh giá như sau: không